

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HS-ST

Ngày 12-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TÂY NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Linh Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tấn Phát;

Ông Lữ Thanh Tùng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thanh, **Kiểm sát viên.**

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2020/HSST ngày 28 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn G (Tên gọi khác: G Ba Lỗ), sinh năm 1987 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: khu phố NP, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao đài; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Kim X; vợ: Nguyễn Hoàng Chiêu K (Không có đăng ký kết hôn); con: Nguyễn Hoàng Chiêu L.

Tiền án: Có 03 tiền án:

+ Ngày 01-8-2005, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS xử phạt bị cáo Trần Văn G 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chưa xóa án tích.

+ Ngày 04-9-2013, Tòa án nhân dân huyện Tân Châu áp dụng Điều 269; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS, xử phạt bị cáo Trần Văn G 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Không chấp hành các Quyết định hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh”, chấp hành xong ngày 08-9-2014. Chưa xóa án tích.

+ Ngày 13-02-2015, Tòa án nhân dân thành phố TN áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20 BLHS xử phạt bị cáo Trần Văn G

03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 18-11-2017. Chưa xóa án tích.

Tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ ngày 18-12-2019, chuyển tạm giam từ ngày 26-12-2019 đến nay.

Bị cáo có mặt.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Tố M, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp NH 2, xã CL, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Thành T, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp BP, xã TB, huyện CT, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chị Hà Trúc L, sinh năm 1992; địa chỉ: Khu phố 1, Phường 2, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 14-12-2019, Trần Văn Giảng ở nhà thuộc khu phố NP, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh thì thấy người em ruột là Trần Thị Thu Thủy, sinh năm 1989, ngụ: khu phố NP, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh cùng người bạn tên Nguyễn Thị Tố M, sinh năm 1989, ngụ: ấp Ninh Hưng 2, xã Chà Là, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh về nhà chơi. Khi đến nơi, M dựng xe mô tô hiệu Honda Air Blade biển số 70E1-135.61 trong sân rồi vào nhà cùng Thủy. Lúc này, G nhìn thấy xe mô tô của M để trước nhà có sẵn chìa khóa trên xe nên nảy sinh ý định lấy trộm xe bán lấy tiền tiêu xài. G lén lút đẩy xe ra ngoài rồi nổ máy chạy đến khu vực huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, trên đường đi G dừng xe đổ xăng thì phát hiện trong cốp xe có 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A70, 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 và 01 (một) ví cầm tay bên trong có 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) và 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Tố M. Sau đó G đến cửa hàng của Lê Thành T, sinh năm 1984, ngụ: ấp BP, xã TB, huyện CT, tỉnh Tây Ninh để thế chấp điện thoại Samsung Galaxy A70 với giá 2.000.000 đồng và điện thoại Samsung Galaxy J7 với giá 1.000.000 đồng rồi tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 17-12-2019 G đến nhà người bạn tên Vũ Minh Th, sinh năm 1984, ngụ: ấp BH, xã TB, huyện CT, tỉnh Tây Ninh để chơi và nhờ Th dẫn đi thế chấp xe mô tô, Th đồng ý và dẫn G đến gặp Hà Trúc L, sinh năm 1992, ngụ: khu phố A, phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh thế chấp xe với giá 9.000.000 đồng nhưng bà L chỉ đưa số tiền 8.100.000 đồng với lý do lấy tiền lãi trước 900.000 đồng. Sau đó G cho Th số tiền 300.000 đồng và đi chuộc lại điện thoại di động Samsung Galaxy A70 để sử dụng, số tiền còn lại G tiêu xài còn 1.350.000 đồng thì bị bắt giữ. Sau khi nhận được tin báo của bà Nguyễn Thị Tố M về việc bị

mất xe mô tô, Cơ quan Công an thành phố TN tiến hành làm việc với Trần Văn G, xác định có dấu hiệu tội phạm nên tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp và điều tra vụ án theo quy định. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN, Trần Văn G đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

* Kết luận định giá tài sản số 86/KLĐG-TTHS ngày 23-12-2019 và số 09/KLĐG-TTHS ngày 14-02-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự UBND thành phố TN kết luận: 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 70E1-135.61 đã qua sử dụng hiệu Honda, loại Air Blade màu đen – đỏ, số máy JF46E-0012236, số khung HJF4604DY012189 có trị giá là 16.000.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Samsung Galaxy A70 màu xanh ngọc số Imeil: 355915101742435/01 có trị giá 5.500.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Samsung Galaxy J7 màu bạc, số Imeil: 358860081427150 có trị giá 2.300.000 đồng; 01 (một) ví nữ cầm tay đã qua sử dụng hiệu LV màu da bò không đủ cơ sở định giá.

* Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Đã trả lại các tài sản cho bị hại Nguyễn Thị Tố M theo đúng quy định.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Tố M đã nhận lại các tài sản nên không yêu cầu bồi thường; chị Hà Trúc L yêu cầu Trần Văn G trả lại số tiền 8.100.000 đồng; anh Lê Thành T không yêu cầu Trần Văn G trả lại số tiền 1.000.000 đồng.

Đối với Lê Thành T, Vũ Minh Th, Hà Trúc L có nhận thức chấp xe mô tô và điện thoại di động của bị cáo Trần Văn G nhưng không biết tài sản bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét xử lý về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

* Bản cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 25-02-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Trần Văn G về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm g Khoản 2, Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh Tây Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm g Khoản 2, Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn G từ 03 năm đến 04 năm tù.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền do bị cáo không có tài sản.

Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo Trần Văn G bồi thường cho chị Hà Trúc L số tiền 8.100.000 đồng.

Xử lý vật chứng căn cứ Điều 46; 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo hối hận về việc mình làm, biết hành vi của mình vi phạm pháp luật, hứa không phạm pháp lần nào nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố TN, tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thể hiện:

Đề có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy, ngày 14-12-2019 bị cáo Trần Văn Glén lút lấy trộm 01 (một) xe mô tô biển số 70E1-135.61; 02 (hai) điện thoại di động và số tiền 1.350.000 đồng của chị uyễn Thị Tổ M với tổng trị giá 25.150.000 đồng tại khu phố NP, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh thì bắt giữ. **Hành vi của bị cáo G đã chiếm đoạt tài sản của chị M, có đủ cơ sở kết luận bị cáo G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.**

Bị cáo G có 03 tiền án:

+ Ngày 01-8-2005, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS xử phạt bị cáo Trần Văn G08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chưa xóa án tích.

+ Ngày 04-9-2013, Tòa án nhân dân huyện Tân Châu áp dụng Điều 269; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS, xử phạt bị cáo Trần Văn G01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “ Không chấp hành các Quyết định hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh”, chấp hành xong ngày 08/9/2014. Chưa xóa án tích.

+ Ngày 13-02-2015, Tòa án nhân dân thành phố TN áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20 BLHS xử phạt bị cáo Trần Văn G03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 18-11-2017. Chưa xóa án tích.

Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự bị cáo đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố bị cáo Trần Văn Gtội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại **Điểm g Khoản 2, Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội.**

[3] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm s Khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo không có tài sản.

[5] Việc bồi thường thiệt hại: Bị hại Nguyễn Thị Tố M đã nhận lại các tài sản nên không yêu cầu bồi thường; chị Hà Trúc L yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 8.100.000 đồng bị cáo đồng ý bồi thường; anh Lê Thành T không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.000.000 đồng nên ghi nhận.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án:

01 (một) xe mô tô biển số 70E1-135.61; 02 (hai) điện thoại di động và số tiền 1.350.000 đồng đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Tố M đúng quy định.

[7] Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo G phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự và 405.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm g Khoản 2, Điều 173; Điểm s Khoản 1, Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn G (tên gọi khác G Ba Lỗ) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn G (tên gọi khác G Ba Lỗ) 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18-12-2019.

2. Về xử lý vật chứng vụ án và bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Tố M: 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 70E1-135.61 đã qua sử dụng hiệu Honda, loại Air Blade màu đen – đỏ, số máy JF46E-0012236, số khung HJF4604DY012189; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Samsung Galaxy A70 màu xanh ngọc số Imeil: 355915101742435/01; 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Samsung Galaxy J7 màu bạc, số Imeil: 358860081427150; 01 (một) ví nữ cầm tay đã qua sử dụng hiệu LV màu da bò và số tiền 1.350.000 (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Trần Văn G có trách nhiệm bồi thường cho chị Hà Trúc L số tiền 8.100.000 (Tám triệu một trăm nghìn) đồng.

3. Án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn G (tên gọi khác G Ba Lỗ) phải chịu số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Trần Văn G (tên gọi khác G Ba Lỗ) phải chịu 405.000 (Bốn trăm lẻ năm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. **Án hình sự sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.** Đối với người vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAT;
- Phòng PV06 CA tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Công an TP.Tây Ninh;
- VKSND TP. Tây Ninh;
- Cơ quan THA phạt tù;
- Chi cục THADS TP.Tây Ninh;
- UBND phường NT, Tp.Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Linh Phi